

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT

Ngày 28 - 01- 2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú và ông Phạm Trung Thực.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 24/11/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Do bản án sơ thẩm số 79/2020/DSST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (*có mặt*);

HKTT: Thôn NQ, thị trấn NQ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Anh Sái Văn L, sinh năm 1968 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn NQ, thị trấn NQ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Sái Đức B, sinh ngày 05/02/2011 (*có mặt*);

Người giám hộ cho cháu B: Chị Nguyễn Thị L (mẹ đẻ cháu B).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu B: Bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (*có mặt*);

- Cháu Sái Đức A, sinh ngày 26/10/2012 (*có mặt*).

Người giám hộ của cháu A là anh Sái Văn L (bố đẻ cháu A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Sái Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NQ vào ngày 03/04/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do anh L hay ghen tuông, thường xuyên chửi chị, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, do vậy đời sống chung vợ chồng luôn bất đồng lâu ngày vợ chồng không có sự hòa hợp, nghi kỵ lẫn nhau, nên vào tháng 6/2016 chị làm đơn xin ly hôn anh L nhưng vì thương hai đứa con còn nhỏ nên chị đã rút đơn xin đoàn tụ vợ chồng, sau khi rút đơn về chung sống với anh L, đời sống chung vợ chồng không có gì cải thiện hơn mà ngày càng trầm trọng, kinh tế khó khăn chị phải đi làm thêm để lo cuộc sống riêng của mình và chăm sóc hai con, anh L cũng không để cho chị được yên nên buộc chị phải về nhà bố mẹ để ở thôn An Cảnh, xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu ở từ tháng 6/2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Sái Đức B, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Sái Đức A, sinh ngày 26/10/2012, hiện nay hai cháu đang ở với anh L, ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, nếu không được nuôi cả hai cháu thì chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Sái Văn L trình bày:* Quá trình kết hôn như lời trình bày của chị L là đúng, về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng không có sự hoà hợp nên có cãi nhau và chị L đã bỏ nhà đi từ tháng 07/2019 cho đến nay vợ chồng ly thân, anh có một vài lần xuống gia đình chị L ở thôn An Cảnh, xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu nói chuyện với bố mẹ chị L và chị L để chị L về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung nhưng chị L không về gia đình anh nữa, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Như chị L đã trình bày, ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu đến khi 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác để vợ chồng anh tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Sái Đức B và Cháu Sái Đức A trình bày: Các cháu không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ như thế nào nhưng các cháu vẫn mong muốn bố mẹ về đoàn tụ, nếu bố mẹ không về ở được với nhau phải ly hôn thì các cháu xin được ở với bố là Sái Văn L.

Bà Phan Thị Liên (mẹ đẻ của chị Loan) trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng chị L như chị L đã trình bày. Hiện nay chị L ở với gia đình bà, ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung vì gia đình bà có đủ điều kiện để cho mẹ con chị L ở trên diện tích đất khoảng 1000m², nhà

diện tích 200m², vợ chồng bà còn sức khỏe và có thời gian chăm sóc con cho chị L nếu được nuôi con.

Tại bản án sơ thẩm số 79/2020/DSST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm đã quyết định: Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Sái Văn L.

Giao cháu B cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu A cho anh Sái Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị L, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, anh Sái Văn L kháng cáo, đề nghị được nuôi cả hai con chung và đề nghị Tòa án cho hai bên có thời gian giải quyết những khúc mắc về kinh tế, sau khi hai bên giải quyết xong thì đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là chị L đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn là anh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ngoài ra anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con anh xin đoàn tụ để các con còn có bố có mẹ.

Cháu Sái Đức B và cháu Sái Đức A đều có nguyện vọng muốn được ở với bố là Sái Văn L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu B là bà Nguyễn Thị T có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu Sái Đức B cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Sái Văn L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp. Tuy nhiên trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2029 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai cả chị L và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh L đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh L là có căn cứ.

[1.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Sái Văn L có hai con chung là Cháu Sái Đức B, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Sái Đức A, sinh ngày 26/10/2012. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với anh Sái Văn L. Mặc dù cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với anh L, tuy nhiên chị L cũng có nghề nghiệp và công việc ổn định có thu nhập, lại được bố mẹ để quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để cho chị L có điều kiện tốt nhất trong việc chăm sóc con cái, bản thân chị L cũng tha thiết xin được nuôi con, mặt khác để chị L chia sẻ trách nhiệm trong việc chăm sóc con chung cùng anh L nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hoàn cảnh, điều kiện của chị L, anh L, hai cháu B và cháu A cùng nguyên tắc công bằng trong giải quyết vụ việc đã giao cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B và giao cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai, cả hai đều có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[1.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị L và anh Sái Văn L không yêu cầu tòa cấp sơ thẩm giải quyết nên cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nếu sau này anh L và chị L có yêu cầu thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Bởi những nhận định trên, quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Sái Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Sái Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2020/DSST - HNGĐ ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Sái Văn L.

- Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là cháu Sái Đức B, sinh ngày 05/02/2011 và cháu Sái Đức A, sinh ngày 26/10/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với anh L. Ly hôn, giao cháu B cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu A cho anh Sái Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị L, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Anh Sái Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh L đã nộp theo biên lai thu số 0000515 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Văn Lâm;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- UBND thị trấn NQ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Hữu Tăng